

KẾ HOẠCH

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Chương trình số 33-CTr/TU ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;

UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bảo đảm mọi người dân có quyền và được tiếp cận hệ thống an sinh xã hội; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, nhất là gia đình người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, gắn với thực hiện chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phù hợp với từng thời kỳ, góp phần xây dựng tỉnh Đắk Nông phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

a) Quán triệt trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hiện chính sách xã hội. Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia; tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh.

b) Tuyên truyền, phổ biến trong Nhân dân nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức đầy đủ về hệ thống an sinh xã hội, sự đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thế hệ; đảm bảo tính bền vững, công bằng.

c) Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của Nhân dân trong thực

hiện chính sách ưu đãi người có công và đảm bảo an sinh xã hội. Xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp ủy, chính quyền, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đặc biệt là đối tượng yếu thế, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và hộ nghèo nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác đảm bảo an sinh xã hội.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người có công, đối tượng yếu thế, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Đến năm 2025, bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống Nhân dân, thực hiện đạt các chỉ tiêu cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến hết năm 2025, giải quyết dứt điểm việc hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở.

- Phấn đấu đến năm 2025, số lao động được tạo việc làm trên 90.000 lượt người; đào tạo nghề cho trên 20.000 lượt người.

- Phấn đấu đến năm 2025, có 100% hộ nghèo, cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí thu nhập được hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm ổn định để tăng thu nhập; 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản sẽ được hỗ trợ một phần để từng bước cải thiện và tiếp cận các dịch vụ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin. Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 3% trở lên; trong đó, hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên (theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021-2025). Thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025 tăng trên 1,5 lần so với cuối năm 2020.

- Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ người lao động tham gia Bảo hiểm xã hội đạt 14,8%; lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia Bảo hiểm thất nghiệp đạt khoảng 10,6%.

- Đến năm 2025, khoảng 17.000 người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên.

- Phấn đấu đến năm 2025, tăng thêm hơn 50 trường đạt chuẩn quốc gia; có 100% trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học, 98% ở bậc trung học cơ sở; 98% người trong độ tuổi từ 15 trở lên biết chữ; trên 57,5% lao động qua đào tạo.

- Đến năm 2025, tối thiểu 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân còn 16%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ tham gia Bảo hiểm y tế đạt 95% dân số.
- Dự kiến đến năm 2025, 100% cư dân thành thị sử dụng nước sạch và 95% hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.
- Đến năm 2025, bảo đảm 100% số xã khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới được phủ sóng phát thanh, truyền hình mặt đất và 100% các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới và xã an toàn khu có đài truyền thanh xã.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1 .Về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác người có công với cách mạng. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về sự hy sinh, đóng góp to lớn của các thế hệ người có công với cách mạng. Nội dung, hình thức tuyên truyền phải đa dạng, linh hoạt, phong phú và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết đầy đủ, đúng quy định, kịp thời các chế độ chính sách cho người có công. Đẩy mạnh công tác chăm sóc, đền ơn đáp nghĩa đối với người có công, huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ, xây dựng, sửa chữa nhà ở cho đối tượng người có công có khó khăn về nhà ở. Lấy kết quả thực hiện chính sách xã hội là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị hàng năm.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ hồ sơ, giải quyết chế độ chính sách cho người có công; ứng dụng phần mềm truy cập, quản lý thông tin mộ liệt sĩ tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xác nhận và thực hiện giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. Rà soát, ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Trung ương, các quy định của pháp luật liên quan, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh ban hành và kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh các quy định chưa phù hợp.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nhiệm vụ, ý thức, trách nhiệm của cán bộ làm chính sách có công với cách mạng. Kịp thời khen thưởng, động viên, khích lệ người có công và thân nhân phát huy truyền thống tốt đẹp, nỗ lực vươn lên, khắc phục khó khăn, tiếp tục đóng góp công sức, trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ chính trị khóa XI về tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Ứng dụng công nghệ

thông tin trong công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và công tác giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

- Tiếp tục trùng tu, tôn tạo các công trình ghi công liệt sĩ hiện có (nghĩa trang liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, bia, đài tưởng niệm liệt sĩ) từ nguồn ngân sách Trung ương và địa phương. Khen thưởng, động viên kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích tham gia cũng như đóng góp, ủng hộ và hỗ trợ cho công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

- Tiếp tục rà soát, có giải pháp hỗ trợ đề hộ gia đình người có công có mức sống cao hơn mức bình quân chung hộ dân cư trên địa bàn. Đến năm 2025 giải quyết xong 100% xóa nhà ở tạm bợ, dột nát cho người có công.

1.2. Về việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu

- Triển khai Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013 phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, thu hút đầu tư để tạo việc làm; phát triển thị trường lao động, doanh nghiệp và doanh nhân; thực hiện tốt chính sách tín dụng nhằm tạo việc làm thông qua hoạt động cho vay vốn sản xuất, kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giao dịch việc làm, hỗ trợ phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; đẩy mạnh xuất khẩu lao động thông qua việc triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người lao động như: vay vốn, đào tạo nghề, tuyên truyền định hướng xuất khẩu, đặc biệt ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn... nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động khi tiếp cận thị trường lao động ngoài nước.

- Khuyến khích các hình thức phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm mới cho người lao động; đảm bảo phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định, tạo ra nhiều việc làm, đưa lao động trong tỉnh đi làm việc tại các khu công nghiệp, đồng thời khuyến khích các hình thức tạo việc làm tại chỗ.

1.3. Chương trình, chính sách giảm nghèo bền vững

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trong đó chú trọng các chính sách giảm nghèo đối với các huyện nghèo; ưu tiên người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số thuộc huyện nghèo, xã biên giới, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, thu hẹp chênh lệch về mức sống và an sinh xã hội so với bình quân cả nước.

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh, tăng cường năng lực cho người dân và cộng đồng để phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư, từng bước phát huy lợi thế về địa lý, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Hoàn thiện hệ thống đường giao thông từ cấp thôn đến cấp huyện, hoàn thiện các công trình phục vụ chuẩn hóa về giáo dục, văn hóa, thông tin truyền thông.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn liền với quy hoạch sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần

tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn. Hỗ trợ đa dạng các hình thức sinh kế phi nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của địa bàn. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các chính sách, nguồn lực, thị trường (thị trường vốn, lao động, đất đai, khoa học kỹ thuật- công nghệ, ...).

- Tăng số lượng, nâng cao chất lượng lao động tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo bền vững.

- Triển khai thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, truyền thông....

- Triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo về tín dụng, nhà ở, y tế, phát triển sản xuất,...

- Huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp cho công tác giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

1.4 . Về Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp

- Chủ động, tích cực tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là BHXH), Luật Bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là BHYT), Luật Việc làm, Luật An toàn, Vệ sinh Lao động và các văn bản liên quan; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách Bảo hiểm xã hội, Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, Kế hoạch số 235-KH/TU ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW và Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, đoàn viên tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân tại địa phương để thấy rõ vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi tắt là BHTN) trong hệ thống an sinh xã hội; quyền lợi và nghĩa vụ của người dân khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, các ngành, các cấp, các doanh nghiệp trong việc tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

- Phổ biến sâu rộng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia các loại hình BHXH, BHYT, BHTN, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện trong khu vực phi chính thức và BHYT hộ gia đình.

- Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN phù hợp với đặc điểm, tính chất đặc thù của từng nhóm đối tượng, vùng miền theo Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền bảo hiểm xã hội”.

- Phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về BHXH,

BHTN của Đảng và Nhà nước với nội dung phong phú, hình thức đa dạng phù hợp với tính chất đặc thù của các loại hình báo, đài; xây dựng và thực hiện các chuyên mục an sinh xã hội, tăng cường tin bài, phóng sự phản ánh kết quả thực hiện cải cách chính sách BHXH, BHYT và biểu dương, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê phán những tập thể, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về BHXH như trốn đóng, nợ đóng BHXH, trục lợi, gian lận BHXH, BHYT, BHTN; phát huy vai trò của cơ quan truyền thông trong việc tác động đến các đơn vị sử dụng lao động có dấu hiệu vi phạm Luật BHXH để ngăn ngừa hành vi vi phạm.

- Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống BHXH theo hướng phục vụ chi trả nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo quyền lợi người tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và thông tin báo cáo về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tất cả lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN, tăng cường sử dụng các dịch vụ Bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về BHXH, BHTN. Tiếp tục hiện đại hóa quản lý BHXH, BHYT, BHTN.

1.5. Về trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

- Trợ cấp thường xuyên, đột xuất: Tiếp tục hướng dẫn các huyện, thành phố quản lý và chi trả trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng chính sách, đúng đối tượng theo quy định, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Kịp thời tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp đột xuất đảm bảo người dân khi gặp rủi ro, thiên tai, bão lụt, bị chết người, mất tài sản được hỗ trợ kịp thời để vượt qua khó khăn, khôi phục sản xuất, việc làm, đảm bảo thu nhập, ổn định cuộc sống; phát triển các hình thức an sinh xã hội cộng đồng, xây dựng Quỹ dự phòng rủi ro tại các địa phương; tổ chức tốt các phong trào tương thân, tương ái, huy động cộng đồng nhằm giúp các địa phương hỗ trợ kịp thời người dân khắc phục rủi ro đột xuất.

- Công tác người cao tuổi: Thực hiện hiệu quả các chính sách người cao tuổi theo quy định; chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi trong gia đình, cộng đồng, xã hội; người cao tuổi thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng được nhận nuôi dưỡng chăm sóc tại cộng đồng hoặc nuôi dưỡng trong các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

- Công tác người khuyết tật: Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Người khuyết tật, các chính sách trợ giúp cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng. Thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với

đối tượng bảo trợ xã hội. Đảm bảo 100% người khuyết tật đặc biệt nặng và nặng trên địa bàn được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định. Ưu tiên dạy nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật, giúp người khuyết tật tìm kiếm cơ hội việc làm, tạo thu nhập, trang trải cuộc sống và hỗ trợ gia đình, khẳng định giá trị bản thân trong xã hội.

- Quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội: Tổ chức rà soát, quy hoạch, quản lý tốt các cơ sở trợ giúp xã hội trong và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các trung tâm, cơ sở trợ giúp xã hội trong công tác tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, lưu giữ hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội. Hướng dẫn các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập chưa có quyết định công nhận, sớm hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập.

- Công tác với tổ chức phi chính phủ: Tiếp tục phối hợp các đơn vị, tổ chức phi chính phủ tổ chức thực hiện các dự án, kế hoạch hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, trẻ em khuyết tật trên địa bàn tỉnh nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các đối tượng.

1.6. Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và đồng bào dân tộc thiểu số

a) Bảo đảm giáo dục tối thiểu

- Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, xây dựng và nâng cao chất lượng xã hội học tập, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; triển khai hiệu quả các chương trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành cho học sinh, sinh viên, tạo nguồn lực để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tạo sự gắn kết chặt chẽ, hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội; tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đẩy mạnh xã hội hóa, có cơ chế thu hút doanh nghiệp, xã hội đầu tư nguồn lực cho phát triển hệ thống giáo dục, đặc biệt là đầu tư vào các khu vực vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chế độ hỗ trợ, nhất là đối với học sinh thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn để đảm bảo phổ cập giáo dục bền vững. Nâng cao chất lượng học sinh trong các trường dân tộc nội trú, mở rộng mô hình trường bán trú; xây dựng và củng cố nhà trẻ trong vùng nông thôn.

b) Bảo đảm y tế tối thiểu

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ chiến lược quốc gia về bảo vệ, chăm sóc nâng cao sức khỏe Nhân dân và công tác dân số; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ở cơ sở, nhất là ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, nhất là tiêm chủng mở rộng; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em,...

- Tiếp tục triển khai chiến lược, các chương trình, đề án về y tế. Cải thiện dịch vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân ở các tuyến cơ sở, ưu tiên các huyện nghèo, xã nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả sử dụng BHYT đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, các hộ nghèo. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về BHYT, có chính sách khuyến khích người dân tham gia BHYT. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Đầu tư, phát triển hệ thống thông tin quản lý hoạt động phòng khám bác sĩ gia đình; từng bước hoàn thiện việc thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử và phần mềm quản lý trạm y tế xã theo tiêu chuẩn chung.

c) Bảo đảm nhà ở tối thiểu

- Đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Tạo điều kiện cho các hộ nghèo ở nông thôn có nhà ở an toàn, ổn định, giúp cho các hộ nghèo yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Có phương pháp khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết giúp đỡ trong cộng đồng theo đúng chủ trương “Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng nhà ở”.

- Tập trung khắc phục những khó khăn về đất đai, quy hoạch, vốn, thủ tục, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh doanh tham gia thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội, có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở tại các khu công nghiệp.

d) Bảo đảm nước sạch

- Tiếp tục lồng ghép các nội dung thực hiện nâng cao chất lượng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, ưu tiên đặc biệt cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở miền núi.

- Cải thiện cơ bản tình trạng sử dụng nước sinh hoạt của dân cư, đặc biệt là dân cư nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng núi cao thiếu nước.

đ) Bảo đảm thông tin, truyền thông

Tăng cường thông tin truyền thông đến người dân nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn. Đẩy mạnh thực hiện công tác đưa thông tin về cơ sở, củng cố và phát triển mạng lưới thông tin cơ sở, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

2. Giải pháp

2.1. Tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo và quản lý của các cấp, các ngành, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội

trong việc thực hiện các chương trình, chính sách đối với người có công và bảo đảm an sinh xã hội.

2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân về chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội từ tỉnh đến cơ sở; tiếp tục phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, đẩy mạnh các phong trào đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, chăm sóc, giúp đỡ người có công, người già, người tàn tật, người nghèo. Kịp thời biểu dương, nhân rộng những điển hình tiên tiến trên địa bàn toàn tỉnh để các chính sách hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, của tỉnh được thực hiện sâu rộng, có sức bền và phát triển hơn.

2.3. Các cấp, các ngành tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án thực hiện chính sách xã hội trong lĩnh vực quản lý của mình, bảo đảm đạt kết quả tốt hơn, tránh lãng phí, tiêu cực. Phát huy vai trò của quần chúng Nhân dân trong việc giám sát thực hiện chính sách xã hội và phát huy tính tự lực, tự cường trong cộng đồng, từng hộ gia đình đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2.4. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện kịp thời chính sách người có công, bảo trợ xã hội và hỗ trợ người nghèo, người dân tộc thiểu số... với phương châm Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ để khuyến khích các đối tượng nỗ lực vươn lên thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được bố trí từ các nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương trong giai đoạn 2021-2025;

2. Nguồn ngân sách nhà nước bố trí thực hiện hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành;

3. Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

1. Các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình số 33-Ctr/TU ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, Quyết định số 1983/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2021-2020 và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ tình hình ngân sách của tỉnh cân đối đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3. Các Sở, ngành, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bảo hiểm Xã hội tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Định kỳ 06 tháng (trước ngày 30/6), hàng năm (trước ngày 31/12) báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp.

4. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp các Sở, Ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể, phù hợp với yêu cầu thực tế để thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 theo quy định tại Quyết định số 1983/QĐ-TTg, Chương trình số 33-CTr/TU và Kế hoạch này.

5. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, lồng ghép các nội dung của Kế hoạch với các chương trình, đề án liên quan.

- Phối hợp các ngành chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên, Nhân dân về chính sách xã hội của Đảng, Nhà nước, của tỉnh và các nội dung của Kế hoạch; phối hợp tham gia giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội, huy động nguồn lực trong từng đoàn viên, hội viên và cộng đồng xã hội chăm lo cho đời sống của người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi, người khuyết tật, người bị nhiễm chất độc hóa học, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; kịp thời phản ánh những vấn đề khó khăn, vướng mắc tại địa phương.

- Tiếp tục phát huy truyền thống tương thân tương ái, đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn” để chăm lo cho người có công. Phối hợp chính quyền các cấp tổ chức thực hiện đồng bộ chính sách xã hội.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Xây dựng Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” theo Kế hoạch này.

- Định kỳ 06 tháng (trước 30/6), hàng năm (trước ngày 31/12) báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Kế hoạch gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để xem xét chỉ đạo, giải quyết.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- TT. các Huyện ủy, Thành ủy (P/hợp chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH Đắk Nông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Hp).

B/c

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh